

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ- ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2023
“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Doan

2. Ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh P, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Kim Văn Tr, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đại N, xã B, huyện Y, tỉnh P, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20/02/2023 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Kim Văn T ngày 11/01/2008. Trước khi cưới có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đ, huyện Y, tỉnh V. Sau khi kết hôn, chị về chung sống với gia đình anh T tại thôn Đ, xã B. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề của cuộc sống, anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị đã cố gắng nhiều lần phân tích để anh T hiểu và cùng nhau xây dựng gia đình vì các con, nhưng anh T đều không hợp tác, không lắng nghe ý kiến của chị. Anh Thường xuyên tự ý quyết định mọi việc mà không hỏi đến ý kiến của chị. Đến đầu năm 2022, chị bỏ về Vĩnh Y sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong

suốt thời gian ly thân, anh T cũng không qua lại thăm hỏi chị và các con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Kim Huyền T, sinh ngày 03/10/2008, cháu Kim Tấn Đ, sinh ngày 06/12/2011 và cháu Kim Ngọc C, sinh ngày 10/10/2016. Hiện 3 cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin nuôi cả 3 cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án triệu tập anh Kim Văn T đến tòa để giải quyết việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2023 ông bố đẻ anh T là ông Kim Văn T khai: Ông xây dựng gia đình cho anh Kim Văn T và chị Nguyễn Thị H ngày 11/01/2008. Quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn như thế nào ông không rõ. Quan điểm của gia đình là tùy anh chị quyết định, gia đình không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung là cháu Kim Huyền T, sinh ngày 03/10/2008, cháu Kim Tấn Đ sinh ngày 06/12/2011 và cháu Kim Ngọc C, sinh ngày 10/10/2016. Hiện 3 cháu đang ở với chị H. Ly hôn ông đề nghị giải quyết con chung của anh chị theo pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh chị có những tài sản gì và nợ ai ông không biết, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án có giao cho ông thông báo thụ lý vụ án số 471/TB-TLVA ngày 10/3/2023 và nhiều giấy triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, sau khi nhận giấy ông có thông báo cho anh T biết qua zalo, anh T có nói là anh không về Tòa để giải quyết được, tùy Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn hoặc đoàn tụ cũng được; Về con chung anh T đồng ý để chị H nuôi cả 03 cháu anh không đóng góp nuôi con chung. Về tài sản chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản gì. Hiện tại anh T làm gì và ở đâu gia đình không rõ, chỉ đoán là anh đi lao động ở Đài L Anh T vẫn liên lạc về cho ông bằng zalo nhưng cụ thể số zalo như thế nào ông không rõ.

Các cháu Kim Huyền T, Kim Tấn Đ, Kim Ngọc C đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Xác minh, UBND xã B cho biết hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, địa phương chỉ nắm được anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể địa phương không rõ.

Xác minh tại phòng xuất nhập cảnh công an tỉnh P và Cục xuất nhập cảnh Bộ công an cho biết anh T xuất cảnh ra nước ngoài chưa nhập cảnh về Việt Nam, xuất cảnh đi nước nào, địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài, Phòng xuất nhập cảnh và Cục xuất nhập cảnh không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Kim Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Huyền T, sinh ngày 03/10/2008, cháu Kim Tấn Đ, sinh ngày 06/12/2011 và cháu Kim Ngọc C, sinh ngày 10/10/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y nhưng anh T đang sinh sống tại Đài Loan. Nhưng căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ “... quyền ly hôn là một trong các quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy trường hợp người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà có căn cứ để xác định họ vẫn có liên hệ với nhân thân ở trong nước nhưng nhân thân của họ không cung cấp địa chỉ tin tức của bị đơn cho tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho tòa án

thì coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nếu tòa án yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ tin tức của bị đơn cho tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của tòa án thông báo cho bị đơn biết thì tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.” Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã có thông báo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự số 36/2023/TB-TA ngày 10/4/2023 thông báo cho anh T biết nếu không có mặt ở tòa thì Tòa án sẽ giải quyết chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 anh T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Kim Văn T ngày 16/4/2021 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh V đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân dài nhưng vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh T đến tòa để hòa giải nhưng anh T cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Kim Huyền T, sinh ngày 03/10/2008, cháu Kim Tấn Đ, sinh ngày 06/12/2011 và cháu Kim Ngọc C, sinh ngày 10/10/2016. Hiện 3 cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H xin được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị H là tự nguyện và phù hợp thực tế và nguyện vọng của 03 cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Huyền là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không trình bày lời khai nên không rõ quan điểm. Nếu sau khi ly hôn anh T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Kim Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim Huyền T sinh ngày 03/10/2008, cháu Kim Tấn Đ sinh ngày 06/12/2011 và cháu Kim Ngọc C sinh ngày 10/10/2016. Hiện 03 cháu đang ở với chị H. Anh Kim Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001599 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị Huyền đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận

